

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**ĐẠI CƯƠNG VĂN HỌC VIỆT NAM
(PHẦN: VĂN HỌC TRUNG ĐẠI)**

*Giảng viên: TS. Trần Thanh Thủy
Viện Nghiên cứu Nam Á, Tây Á và Châu Phi*

VĂN HỌC VIỆT NAM THẾ KỶ X - THẾ KỶ XIV

Bối cảnh lịch sử - văn hóa



Lực lượng sáng tác



**VH VN từ khởi nguồn đến hết triều Lý
(1225)**



Văn học thời Trần – Hồ (1225-hết XIV)

I. BỐI CẢNH LỊCH SỬ - VĂN HÓA

1. Lịch sử - xã hội

➤ Lịch sử:

X-XIV: kỷ nguyên độc lập và thống nhất đất nước

- Kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc
- Kỷ nguyên độc lập gắn liền với xây dựng quốc gia phong kiến độc lập tự cường

➤ Cơ cấu XH và địa vị của các tầng lớp trong XH

- **Tại sao?**

- Có ảnh hưởng quan trọng tới đời sống XH + sự phát triển của VH

- Nhiều khi tầng lớp giữ vai trò quan trọng trong XH cũng giữ vai trò quan trọng trong lực lượng sáng tác văn học.

- **Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý:** tầng lớp quý tộc và tăng lữ giữ địa vị quan trọng (Khuông Việt, Đỗ Pháp Thuận, Nguyễn Vạn Hạnh...)

=> Lực lượng sáng tác chủ yếu thời Lý: **nhà sư**

- **Trần:**

- ✓ Tăng lũy vẫn giữ vai trò quan trọng trong XH
 - ✓ Địa vị quan trọng dần chuyển sang tầng lớp nho sĩ (chủ yếu là nho sĩ quan liêu):
 - + Họ vừa là nhà trí thức vừa là nhà chính trị.
 - + Cuộc sống của họ gắn bó mật thiết với sự tồn vong của chế độ PK.
 - + Nhiều nho sĩ, trí thức PK có vai trò quan trọng trong triều đình (Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An, Trương Hán Siêu...)
- => LLST chủ yếu: **nhà nho**

2. Căn rễ văn hóa

➤ Hệ thống tư tưởng – văn hóa tiếp thu từ nước ngoài

(1) Phật giáo

✓ PG Lý – Trần: Đề cao việc thiền sư *vượt thoát ra khỏi thế giới sắc tướng, đạt tới cảnh giới tự do tự tại.*

=> Tinh thần vô úy đem đến cho bậc tu hành sự điềm tĩnh, bình thản trước cái chết + thái độ an nhiên trước mọi đổi thay của cuộc đời, là niềm lạc quan trước sự sống bất diệt.

✓ Tư tưởng “*hòa quang đồng trần*” (和光同塵) – gắn đạo với đời

⇒ tạo nền tảng giáo lý để các thiền sư tham gia chính sự

⇒ những bậc đế vương khi rời bỏ ngai vàng thì khoác áo cà sa, nhưng vẫn có vai trò quan trọng với đời sống chính trị của đất nước.

(2) Nho giáo

- 1070: Lý Thánh Tông dựng Văn Miếu: thờ Khổng Tử + nơi học của các hoàng thái tử
- 1075: Lý Nhân Tông mở khoa thi Nho học tam trường đầu tiên
- 1076: Lý Nhân Tông lập Quốc Tử giám
- 1195: Lý Cao Tông mở khoa thi **Tam giáo**
- Thời Trần: Nho giáo dần chiếm địa vị chính thống trong XH. Giáo dục Nho học tiếp tục phát triển.
- 1253: Quốc tử giám tổ chức lại thành Quốc học viện. Các khoa thi Tam giáo dần thay bằng **Nho học**.

⇒ Mô hình Nho giáo Trung Hoa để lại dấu ấn rõ nét trong đời sống tinh thần xã hội Đại Việt, đặc biệt trên phương diện thiết chế xã hội, học thuyết tư tưởng chính trị, thể chế khoa cử, giáo dục, đào tạo bộ máy quan lại...

⇒ Sự ảnh hưởng chủ yếu diễn ra ở tầng lớp trên, lớp người gần bó quyền lợi với ngoại bang.

=> Sự ảnh hưởng có nhiều mặt tích cực, đặc biệt về di sản chữ Hán...

<=> Một cách *không tự giác*, những thiết chế tư tưởng văn hóa nói trên đã tạo điều kiện và được người Việt chủ động tiếp thu, vận dụng một cách phù hợp với hoàn cảnh dân tộc mình

(3) “Tam giáo đồng nguyên”

“Điều khiến Nho, Phật, Đạo có thể tạo nên ít nhiều sự tương đồng trong quan niệm văn học là do những yếu tố như: Phật giáo thế kỷ X-XIV chịu ảnh hưởng trực tiếp của triết lý Thiền Nam tông; Đạo giáo tiếp thu nguồn triết lý Lão - Trang; Nho giáo là Nho Đường - Tống”.

- Thiền Nam Tông:

- Lấy *tự nhiên* làm cơ sở cho sự giải thoát => gặp gỡ với chủ trương về với tự nhiên của Lão – Trang

- *Tư tưởng nhập thế* mạnh mẽ: “Không lìa thế gian giác”
=> dễ gặp gỡ với tinh thần nhập thế của Nho giáo.

- Nho Đường – Tống:

- Vay mượn nhiều ở triết lý Lão – Trang và Phật giáo ở phần *bản thể luận*

- => Do đó, con người nhà nho thời này dù ko tự giác, vẫn có những điểm *trùng đồng* với con người của Lão và Phật.

- Thiền và Lão đều dựa vào *trực giác* làm cơ sở nhận thức

- => giữa Thiền - Lão với cảm hứng nghệ thuật của thi ca có mối quan hệ gần gũi: một thiền sư cũng có thể nhìn nhận và cảm xúc về tự nhiên như cách một người cầm bút dưới ánh sáng của tư tưởng Lão – Trang...

- => Nho gia: sùng thượng sự sống, sức sống thiên nhiên, phát hiện ra sự tương thông giữa cảm xúc với nhịp điệu của tự nhiên, bốn mùa=> sáng tác là hoạt động không cố ý (*ngẫu thành, mạn thành, mạn lục, ngẫu ký, tùy bút, tức hứng...*)

➤ Văn hóa bản địa truyền thống

- Những biểu tượng văn hóa kiến tạo từ thời Bắc thuộc;
- Những nhân thần và nhiên thần có công khai sinh con người, mở mang nước Việt;
- Những bậc thánh hộ quốc an dân, đánh giặc giữ nước và kiến tạo phong tục tập quán;
- ...

- ***Việt điện u linh***: hạo khí anh linh hóa thân trong những trang thần thoại, truyền thuyết (như thần Đồng Cổ, Long Đỗ, Phù Đổng...); những bậc anh tài tuấn kiệt phù trợ nước Nam (như Hai Bà Trưng, Hùng Vương, Triệu Quang Phục, Lý Nam Đế...)

- ***Lĩnh Nam chích quái***: tiếp thu cốt truyện về các thần Tản Viên, Tô Lịch...; sưu tầm các truyện thiên về văn hóa dân gian, các nhân vật anh hùng văn hóa, các mảnh vỡ của thần thoại, huyền tích, sử tích về họ Hồng Bàng, thần Kim Quy, Phù Đổng Thiên Vương, Man Nương, Dương Không Lộ, Từ Đạo Hạnh..., truyện về bánh chưng, dưa hấu, trầu cau...

Vai trò của khoa cử

- 1075: Lý Nhân Tông mở khoa thi Nho học tam trường đầu tiên
- 1195: Lý Cao Tông mở khoa thi **Tam giáo**
- 1232: nhà Trần tổ chức khoa thi Thái học sinh, lấy đỗ tiến sĩ (7 năm có 1 kỳ thi)
- 1247: thi tam khôi, lấy Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa (Lê Văn Hưu đỗ bảng nhãn)
=> 175 năm (Trần): 14 khoa thi (10 chính thức, 4 phụ), 283 đỗ, 12 người đỗ đầu. Nho sĩ văn học được giữ quyền bính.
- Nhà Hồ: 2 kỳ thi (Nguyễn Trãi đỗ trong kỳ thi Thái học sinh đầu tiên, 1400)

II. LỰC LƯỢNG SÁNG TÁC

➤ **3 loại hình tác giả:**

- Thiên sư - tăng lữ (43 người; Lý: 39 người)
- Quý tộc (vua chúa, hoàng thất)
- Nho sĩ (53).

➤ **Các lực lượng này thường hoán chuyển cho nhau:**

- Dĩ Nho nhập Thích
- Từ Phật sang Nho
- Từ Nho sang Phật rồi hoàn tục đi làm Đạo sĩ

1. Thiền sư - tăng lữ

- Học chữ Hán để đọc Kinh, học Kinh
- Là những tăng lữ, trước khi trở thành người sáng tác thơ văn
- Làm kệ, viết thơ, viết văn ban đầu chủ yếu là để giáo hóa, truyền giảng giáo lý nhà Phật, thể hiện đời sống nhà chùa, đời sống tâm linh
- Khá đông đảo, đặc biệt dưới thời Lý và giai đoạn thịnh Trần
- Họ không chỉ trưởng thành từ các trung tâm Phật giáo lớn mà còn xuất phát từ các chùa chiền, thiền viện trên khắp đất nước

➤ **Thiên sư nhập thế**

- Họ có tiềm lực chính trị, kinh tế ngang với quý tộc
- Gián tiếp hoặc trực tiếp tham gia vào việc khống chế các vị vua nhất thống giang sơn, trị vì đất nước
- Tham gia tích cực vào công việc điều hành chính sự
- Tham gia kiến thiết văn hóa, kinh tế, giáo dục, tư tưởng...
- Được phong các chức tước cao quý: Tăng thống, Đại sư, Thông biện, Hoài tín, Quốc sư...

✓ **Thiền sư Vạn Hạnh:**

- Góp nhiều mưu lược cho Lê Đại Hành phá Tống bình Chiêm;
- Cùng các đại thần điều chuyển cho cuộc lên ngôi của vua Lý Thái Tổ
- Cùng Lý Thái Tổ thiết lập chính thể, đường lối cai trị cho vương triều mới

=> Có công kiến tạo một *chính thể* mới + xây đắp nền móng cho một *tư tưởng văn hóa* dung hợp tam giáo, tạo dựng *tinh thần văn hóa Việt* lấy điểm tựa là cội nguồn Tiên Rồng, đoàn kết, thái hòa.

- ✓ **Tuệ Trung Thượng sĩ:** Nhập thế như một “định mệnh” bất đắc dĩ nhưng rất thành công.
- Từ sớm đã không màng công danh, chỉ chăm chú đọc sách Thiền, lớn lên theo học Thiền sư Tiêu Dao rồi trở thành Thượng sĩ danh tiếng, được Trần Nhân Tông quý trọng, xưng tôn làm thầy học.
- Khi đất nước bị ngoại xâm, không do dự dấn thân vào cuộc kháng chiến của dân tộc, đứng vào hàng ngũ tướng lĩnh nhà Trần, sát cánh cùng Trần Quốc Tuấn xông pha trận mạc, thương thuyết với kẻ thù...
- Được phong Tiết độ sứ Thái Bình. Khước từ bổng lộc, địa vị, về ẩn cư, lấy tên là Tuệ Trung Thượng Sĩ, tham thiền đọc sách, vui thú điền viên.
- Tư tưởng tự do phóng khoáng, không câu nệ ràng buộc vào bất cứ giáo lý nào, thậm chí kể cả Phật pháp

➤ **Thiền sư xuất thế**

- Là những người tu hành ẩn cư, thoát tục, suốt đời chăm lo việc đạo, giữ gìn phẩm hạnh thanh cao, tìm an tịnh trong am thanh cảnh vắng
- Khước từ mọi lời mời gọi cộng tác của triều đình.
- ✓ Thiền sư Vô Ngôn Thông
- ✓ Thiền sư Cứu Chỉ
- ✓ Thiền sư Chân Không
- ✓ Thiền sư Đạo Huệ
- ✓ Phạm Thường Chiếu
- ✓ Pháp Loa
- ✓ Huyền Quang

2. Tác gia quý tộc

- Có uy tín, có kiến văn sâu rộng nên có đóng góp to lớn cho văn học, trở thành những tác gia tên tuổi.
- Những người từng tham gia chính sự, từng ở ngôi vị cao trên chính trường, sau đó tìm về cõi Phật, *đi tu, nghiên cứu Phật giáo*, viết sách Phật giáo và sáng tác văn chương: Thái hậu Ý Lan, Trần Thái Tông (*Thiền tông chỉ nam, Khóa hư lục, Thái Tông ngự tập*), Trần Nhân Tông (*Thiền tông thiết chủ ngữ lục, Nhân Tông thi tập, Đại hương hải ấn thi tập...*)

3. Nho sĩ

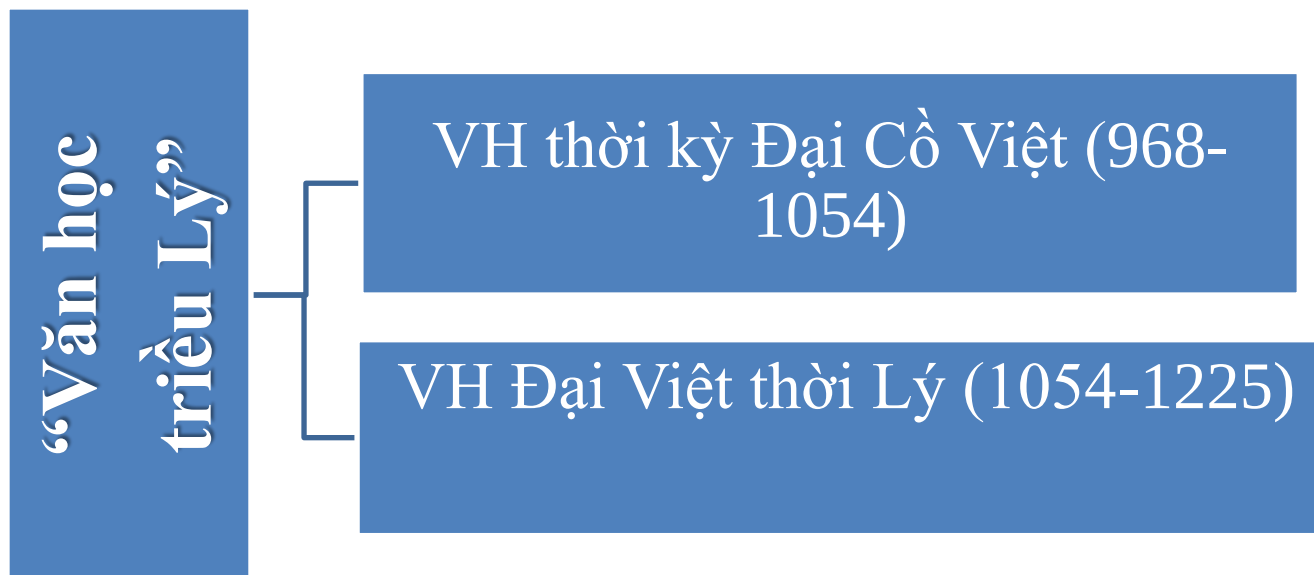
- Thời Trần, khoa cử giáo dục được nâng cấp, mở rộng, có nhiều bước tiến so với nhà Lý bởi sự thay đổi từ XH PG sang một XH dân đậm nét Nho giáo.
- Tăng sĩ ko làm quan trong triều như dưới thời Lý.
- Tầng lớp nho sĩ phát triển nhanh chóng dưới thời Trần
=> kéo theo sự xuất hiện của đông đảo những người nhuốm đậm tư tưởng Nho giáo, khẳng định vị thế kẻ sĩ trên phương diện trước thư lập ngôn, càng ngày càng khẳng định được vị thế trong XH

➤ **Tác giả nhà văn - ẩn sĩ:** loại hình đặc biệt

- Họ là những người từng tham gia chính sự, sau đó hưu trí: Trần Nguyên Đán, Hồ Tông Thốc...
- Người thi đỗ nhưng ko ra làm quan, quay về sống ẩn cư nơi thôn dã, vui thú điền viên: Đoàn Văn Khâm từng làm đến Công Bộ Thượng thư dưới triều Lý Nhân Tông, hâm mộ đạo Phật, cáo quan về ở ẩn, nghiên cứu sách Phật.
- Người ẩn cư bất đắc dĩ: Nguyễn Phi Khanh, do chính sách phân biệt “nội thân ngoại thích” của nhà Trần. Đến khi được tháo cũi sổ lồng, ông phơi phới nhập thế giúp đời với lý tưởng vì dân vì nước chân thành.
- *Chủ đề nổi bật:* tâm trạng ưu sầu, nỗi cô đơn da diết của những nhân cách cao vời nhưng lại bị cầm tù trong những bức tường vô hình của thời gian, không gian phong kiến

III. VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ KHỞI NGUỒN ĐẾN HẾT TRIỀU LÝ

- Đây là thời kỳ VH phát triển trong xu thế độc lập dân tộc, vừa xác lập nền móng vừa tạo lập được những sắc thái riêng - những giá trị đặc trưng được định danh bằng “nền văn học mở đầu những truyền thống lớn của văn học viết” “nền văn học nhân bản Phật giáo” “tam giáo đồng nguyên”



1. “Văn học thời kỳ Đại Cồ Việt”

- Các dấu mốc lịch sử trọng đại:
 - ✓ xưng đế và khẳng định quyền độc lập dân tộc,
 - ✓ dời đô và xác lập kinh đô mới,
 - ✓ thay đổi 3 triều đại và 7 đời vua...
- Số lượng tác giả không nhiều.
- Chủ yếu sáng tác một số câu thơ, một bài thơ, một đoạn văn, một lời đối thoại cho đến vài bốn câu thơ.

- 2 nhóm tác giả:

Thiền sư - thi sĩ

- Pháp Thuận, Khuông Việt, Vạn Hạnh,
Viên Chiếu

Hoàng đế - văn nhân/thi nhân (Tác gia quý tộc)

- Lý Thái Tổ, Lý Thái Tông...

Tựu trung:

Mặc dù số lượng **không nhiều** nhưng tác giả VH thời kỳ ĐCV đã tạo dựng được diện mạo riêng và thực sự **giàu bản sắc**.

- ❖ Có thể thấy rõ vai trò của các tác giả thiên sư và sự gắn bó của họ với vương triều, góp phần quan trọng xác lập truyền thống nhập thế, đạo pháp gắn với dân tộc, bên cạnh sự định hình kiểu tác giả hoàng đế - thiên sư - thi sĩ đặc trưng cho toàn bộ văn học thời Lý.
- ❖ Do quy định của điều kiện lịch sử, số lượng không nhiều các tác giả VH thời kỳ ĐCV lại xác lập dấu mốc và tạo dựng nhiều sự kiện, hiện tượng với những cái “nhất” “đầu tiên”:

- **Quốc tộ, 國祚 (Đỗ Pháp Thuận, 杜法順):** bài thơ sớm nhất có tác giả của VH thời tự chủ
- **Vương/Ngọc lang quy 王/玉郎歸 (Khuông Việt, 匡越):** tác phẩm văn học đầu tiên hiện còn của lịch sử ngoại giao VN; lần đầu tiên văn chương nghệ thuật được công khai đưa vào phục vụ sự nghiệp chính trị ngoại giao
- **Chiếu dời đô 遷都詔 (Lý Thái Tổ, 李太祖):** văn kiện lịch sử đánh dấu bước phát triển mới của kinh đô – đất nước theo “thiên mệnh” “dân chí”; áng văn chương nổi tiếng, mở đầu cho thể tài hùng văn chính luận của VH dân tộc.
- **Lý Thái Tông (李太宗):** định hình kiểu mẫu tác giả hoàng đế - thi nhân – thi sĩ (sẽ phát triển cực thịnh ở thời Trần).

2. “VH Đại Việt thời Lý”

- ✓ Các vua nhà Lý để lại khá nhiều văn chiếu (*Thiên đô chiếu, Lâm chung di chiếu, Lâm chung chúc tái tử, Truy hỏi tiền quả chiếu...*).
 - Ngoài thông tin về công việc có tính chất chức năng hành chính
 - Ít nhiều biểu hiện những ý nghĩ, tâm trạng của cá nhân nhà vua.
 - Đặc biệt rõ ở các bài chiếu mang tính chất di chúc.
- ⇒ (1) tinh thần cởi mở, khoáng đạt, dân chủ giữa nhà vua và chúng dân
- ⇒ (2) chủ nghĩa nhân đạo, quan tâm đến quyền sống của con người nhưng kiên quyết với những kẻ đi ngược lại ý thức dân tộc
- ⇒ (3) tinh thần yêu cuộc sống, giàu sức sống

✓ Thơ Thiền

- Chủ yếu lưu giữ trong *Thiền uyển tập anh* (1337)
- Thấm đượm triết lý PG về lẽ sinh tử, quan niệm sinh ký tử quy, quan niệm về bản thể với các dạng thức tồn tại (pháp, phán bản, pháp tính, thân, chân thân, sắc thân, phàm thân, huyễn thân, ngã, thức, tâm, tâm thể, thân tâm...)

=> Các thiền sư – thi sĩ đời Lý đạt đến một thứ “Văn hóa tử sinh”, tiệm cận với bản chất sự sống: Con người đi từ Không đến Có, sự tồn tại vốn là sắc sắc không không, còn đây mất đây. Cho nên ngay khi còn sống trong cõi đời, mọi chúng sinh cần phải biết tiên lượng gián cách với mặt trái kiếp người trần tục, không quá đam mê những điều trước sau sẽ thành ảo giác.

Một số tác giả - tác phẩm tiêu biểu

Đỗ Pháp Thuận (915-990): Quốc tộ

Khuông Việt (933-1011): Vương lang quy

Vạn Hạnh (?-1025): Kệ “Thị đệ tử”

Lý Thái Tổ (974-1028): Thiên đô chiếu

Thiền sư Viên Chiếu (999-1090): Được sư thập nhị nguyện văn, Tán viên giác kinh, Thập nhị Bồ tát hành tu chứng đạo tràng, kệ Tâm không, Tham đồ hiển quyết...

Lý Thái Tông (1000-1054): Các công án thiền (Thiền uyển tập anh), kệ Bát nhã

Ni sư Diệu Nhân (1041-1113): Bài kệ “Sinh lão bệnh tử...”

Lý Nhân Tông (1006-1128): Kệ truy tán thiền sư Sùng Phạm

Nam quốc sơn hà

Tóm lại:

- **Cảm hứng tôn giáo** là nội dung quan trọng của VH thời Lý.
- Tác phẩm còn lại ko nhiều, chủ yếu là thơ nhà chùa – **thơ thiền**: nói về sự huyền diệu của đạo Phật, giải thích nội dung hoặc thuyết minh cho giáo lý Phật học Thiền tông. Nhiều bài do thiền sư làm để truyền dạy đệ tử.
- Hình tượng **thiên nhiên** là phương tiện nghệ thuật thể hiện nội dung tư tưởng, triết luận tôn giáo.
- Giàu hình tượng **thảm mĩ**, đậm chất **trữ tình**, ngoài tinh thần tôn giáo còn sáng rõ cảm xúc, tâm trạng con người yêu đời, yêu cuộc sống.

IV. VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI TRẦN - HỒ (1225 - HẾT XIV)

1. Bối cảnh văn hóa

**Bối cảnh
văn hóa**

```
graph TD; A[Bối cảnh văn hóa] --> B[Tư tưởng]; A --> C[Giáo dục]; B --> D[Xu hướng đi từ Phật sang Nho]; B --> E[Hỗn dung Nho - Phật - Đạo]; C --> F[Hệ thống giáo dục cơ sở]; C --> G[Khoa cử];
```

Tư tưởng

Giáo dục

**Xu hướng
đi từ Phật
sang Nho**

**Hỗn dung
Nho -
Phật -
Đạo**

**Hệ thống
giáo dục
cơ sở**

**Khoa
cử**

❖ Tư tưởng

- ✓ Những thế kỷ đầu sau độc lập: Phật giáo có địa vị như quốc giáo
=> lựa chọn hợp lý (hệ tư tưởng – tôn giáo phổ biến nhất, bao trùm XH; nhà chùa là trường học; tăng lữ là tầng lớp có học nhất)
- Bản chất: Phật giáo ko giúp ích nhiều trong việc xây dựng một thiết chế XH vững mạnh
- ✓ Thời Trần: Phật giáo tiếp tục được duy trì:
 - Tăng sư vẫn được vua trọng vọng nhưng đã tách biệt với công việc triều đình
 - Có sự giao thoa giữa tăng lữ - quý tộc (vua/vương hầu – thiền sư thông tuệ)
 - Ba hệ tư tưởng Nho, Phật, Đạo cùng tồn tại - “tam giáo đồng nguyên” => tạo nên vị thế cân bằng về ảnh hưởng của PG – NG – Đạo giáo đến XH. Đến XIV: PG là “vật cản” đối với NG trên đường tiến đến địa vị độc tôn => cuộc đấu tranh chống PG

○ Bắt đầu có xu hướng uốn Phật theo Nho

⇒ Nho giáo ảnh hưởng nhiều hơn đến triều đại và dần chiếm ưu thế trong xã hội.

⇒ Thân phận tầng lớp Nho sĩ bắt đầu đổi khác; tự tách dần khỏi sự lệ thuộc vào tầng lớp quý tộc; thậm chí trở thành mối đe dọa thực sự với địa vị của giới hoàng thân quốc thích

⇒ Tầng lớp trí thức nho sĩ ngày một đông đảo, dần thành lực lượng sáng tác chủ yếu.

Trí thức - Nho sĩ

- Xuất thân từ tầng lớp cao trong XH (các vua Trần, các vương hầu, quý tộc có điền trang thái ấp)
- Dần dần xuất hiện người thuộc giới địa chủ thứ dân, thợ thủ công và thậm chí là nông dân gia nhập vào giới trí thức tinh hoa (Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn, Trần Khánh Dư, Phạm Ngũ Lão, Đoàn Nhữ Hài...)

“Nhà Trần đãi ngộ sĩ phu rộng rãi, không bó buộc, hòa nhã mà có lễ độ, nên nhân vật trong một thời có chí khí tự lập, hào hiệp, cao siêu, vững vàng vượt ra ngoài thói thường, làm rạng rỡ trong sử sách...”



Tạo nên sự gắn kết chung về trách nhiệm kẻ sĩ trong công cuộc bảo vệ quốc gia dân tộc: đặt non sông xã tắc, vương triều cao hơn tất cả, đồng lòng quyết đánh giặc ngoại xâm
=> hào khí Đông A

❖ **Giáo dục:** dần hoàn chỉnh hơn thời Lý.

✓ *Hệ thống giáo dục:*

- Quốc tử giám ở Kinh đô (1076)
- Viện Quốc học (1253): giảng Tứ thư, Ngũ kinh
- Trường dạy dân chúng ở các Lộ; có ghi nhận trường học tư nhân (Trần Ích Tắc, Chu Văn An)

✓ *Khoa cử:*

- 1232: khoa thi Thái học sinh để lấy đỗ tiến sĩ => 7 năm có 1 kỳ thi
- 1247: thi tam khôi để lấy Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa (Lê Văn Hưu đỗ bảng nhãn)

=> 175 năm: 14 khoa thi (10 chính thức, 4 phụ), 283 đỗ, 12 người đỗ đầu. Nho sĩ văn học được giữ quyền bính.

- Nhà Hồ: 2 kỳ thi: Nguyễn Trãi đỗ trong kỳ thi Thái học sinh đầu tiên (1400)

Hiệu quả:

- Bổ sung cho bộ máy quan liêu của triều đình
- Bổ sung tri thức, bồi dưỡng nhân tài



- Văn học được mở mang, tạo cơ hội cho tri thức, văn hóa, văn chương được lưu truyền rộng khắp.
- Cơ sở để sản sinh ra những tên tuổi nổi tiếng về tầm tri thức, tài thơ văn, trở thành những môn khách, danh thần một thời (Đoàn Nhữ Hài, Huyền Quang Lý Đạo Tái, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Trung Ngạn, Trương Hán Siêu, Chu Văn An, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Phi Khanh...) => tạo ra một thời kỳ hưng thịnh về văn hóa, văn học.



Họ đã đem vào sáng tác phong khí của cả một thời đại vừa trong trẻo, thanh cao, vừa khí phách, hào hùng.

2. Lực lượng sáng tác

Sự biến đổi trong loại hình tác giả từ Lý sang Trần

Loại hình TG	Xu hướng
Nhà sư	Từ chiếm đa số (65%) – chỉ còn là một bộ phận rất nhỏ (6%, 4%)
Nhà nho	Từ cá nhân riêng lẻ (11,7%) – chiếm số lượng lớn (44%) và áp đảo (74%) vào XIV
Quý tộc	Ko biến động mạnh về số lượng (18,3%; 38%; 22%) Thay đổi lớn về tính chất: quý tộc – thiền sư biến đổi thành quý tộc – nhà nho (XIII-đầu XIV: quý tộc – võ tướng)

Ghi chú:

TS. Đỗ Thu Hiền thống kê theo bộ *Thơ văn Lý Trần* (Nxb KHXH):

- Tập 1: Ngô Quyền (938) – hết nhà Lý;
- Tập 2: đầu Trần (1225) – đầu đời Trần Dụ Tông
- Tập 3: khoảng 1341 – khởi nghĩa chống Minh của Bình Định Vương (1418)

❖ Nguyên nhân:

- Sự mạnh dần lên của NG thay thế PG ở XH VN thời Trần - Hồ: dẫn đến sự tăng mạnh số lượng nho sĩ, giảm thiểu số lượng nhà sư.
- PG ko còn chiếm lĩnh khu vực thượng lưu của XH (địa vị, trí thức XH)

=> PG lui vào dân gian. Tinh hoa trí thức nước nhà tập trung ở giới Nho sĩ.

- ✓ Trí thức chuyên nghiệp, “nghề” chính thức là học hành: suốt cuộc đời chỉ dùi mài kinh sử
- ✓ Coi trọng văn chương (tả đạo, ngôn chí) >< nhà sư, quý tộc: chưa bao giờ coi viết văn làm thơ là chuyện quá nghiêm túc
- ✓ Cơ chế khoa cử: nho sĩ thông thạo chữ nghĩa, thơ phú => trên lý thuyết: những người đi học, nhà nho cũng là tác giả văn học. => khi số lượng nhà nho tăng thì đội ngũ tác giả nhà nho cũng áp đảo

3. Thành tựu văn học

THƠ

- Thái Tông ngự tập (Trần Thái Tông), Nhân tông thi tập, Đại Hương Hải Ấn thi tập (Trần Nhân Tông), Thủy vân tùy bút (Trần Anh Tông), Minh Tông thi tập (Trần Minh Tông), Nghệ Tông thi tập (Trần Nghệ Tông), Lạc Đạo tập (Trần Quang Khải), Phóng cuồng ca (Trần Tung), Băng Hồ ngọc hác tập (Trần Nguyên Đán), Nhị Khê tập (Nguyễn Phi Khanh), Giới Hiên thi tập (Nguyễn Trung Ngạn)...
- Còn các tác giả để lại những bài thơ có giá trị: Phạm Ngũ Lão, Mạc Đĩnh Chi, Đặng Dung...

VĂN XUÔI CHỮ HÁN

- **Sách sử học:** Đại Việt sử ký toàn thư (Lê Văn Hưu), An Nam chí lược (Lê Tắc/Trắc), Việt Nam thế chí, Việt sử cương mục (Hồ Tông Thốc), Việt sử lược (khuyết danh), Ngọc điệp, Đại điển thực lục...
- **Sách triết luận:** Khóa hư lục, Thiên tông chỉ nam (Trần Thái Tông), Tứ thư thuyết ước (Chu An), Minh đạo lục (Hồ Quý Ly)...
- **Truyện ký văn xuôi chữ Hán:** Thiên uyển tập anh, Việt điện u linh (Lý Tế Xuyên), Tam tổ thực lục, Thánh đăng ngữ lục, Lĩnh Nam chích quái (Trần Thế pháp), Nam Ông mộng lục (Hồ Nguyên Trừng)...
- **Bài văn khắc** trên đồ đồng, bia đá...
- **Văn biền ngẫu:** 13 bài phú, 7 bài biểu theo thể văn tứ lục. => văn thể phú triều Trần “nhiều khôi kỳ hùng vĩ, lưu loát đẹp đẽ, âm vận cách điệu như thể văn nhà Tống”.

SÁNG TÁC BẰNG CHỮ NÔM

- Hàn Thuyên/Nguyễn Thuyên: có công làm thơ bằng chữ Nôm và đặt ra luật thơ Nôm (Hàn luật)

=> qua binh lửa, chiến tranh, thiên tai... các văn bản chữ Nôm hiện không còn nhiều.

- *Cư trần lạc đạo phú, Hoa Yên tự phú, Giáo tử phú, Đặc thú lâm tuyên thành đạo ca...* hay một bài thơ Nôm nhuận nhị của Diêm Bích...

=> vñ chữ Nôm thật sự có sức sống và diện mạo tương đối rõ nét

❖ Các chặng nhỏ trong hành trình vận động của văn học dân tộc:

- ✓ **Chặng 1:** Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông; chống Nguyên Mông và xây dựng vương triều
 - Nổi bật là hào khí Đông A:
 - Ý chí độc lập tự cường, tinh thần bất khuất và quyết tâm chiến thắng kẻ thù xâm lược => chất hào hùng rất đậm (hịch Trần Quốc Tuấn, thơ Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Phạm Sư Mạnh...)
 - Cảm hứng Phật giáo:
 - Ý vị thanh cao, thoát tục (thơ Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Huyền Quang)
 - Cuồng phóng, siêu thoát (Trần Tung, Trần Quốc Toại...)

- ✓ **Chặng 2:** Trần Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông; thời kỳ tiếp tục củng cố vương triều
 - Tình yêu tha thiết với quê hương (thơ Trương Hán Siêu, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh...)
 - Hoặc hoài vọng quá khứ, hoặc mang niềm tâm sự riêng, xa rời thế cuộc, ca tụng cuộc sống nhàn tản (thơ Trần Minh Tông, Nguyễn Sưởng, Trần Quang Triều...)
- ✓ **Chặng cuối:** từ Trần Dụ Tông cho đến khi kết thúc nhà Hồ; thời kỳ suy vong, rối loạn của nhà Trần
 - Thơ nghiêng về cảm khái thời thế, mang âm hưởng buồn man mác, nhớ về thời quá vãng vàng son của các vương triều
 - Tiếng thơ bi phẫn trước loạn lạc, đói khổ của người dân
 - Chu An, Trần Nguyên Đán, Lê Cảnh Tuân, Đặng Dung, Nguyễn Phi Khanh...
- ✓ Ngoài ra còn có **văn học luận chiến bang giao và thơ đi sứ**

- **Tự trung:**

- ✓ VH thời Trần tràn đầy cảm hứng về quốc gia, dân tộc
- ✓ 2 dòng mạch cảm hứng:



- ✓ Có những thành tựu văn học rất giá trị, vừa phong phú, vừa đặc sắc, với:
 - nhiều tác giả lớn;
 - nhiều tác phẩm;
 - nhiều thể loại thơ văn;
 - bên cạnh văn học chữ Hán đã xuất hiện văn học chữ Nôm.

Tác giả, tác phẩm tiêu biểu

Hoàng đế - thiền sư – thi sĩ Trần Thái Tông (1218-1277):
thơ ngoại giao, *Khóa hư lục*, *Thiền tông chỉ nam ca*, *Lục thì sám hối khoa nghi*...

=> chủ đề đời thường, dấu ấn thế sự

=> nội dung hoằng dương Phật giáo (pháp, phán bản, pháp tính, thân, chân thân, sắc thân....)

Tuệ Trung Thượng sĩ (1130-1291): Nhà thiền học yêu nước; tiếp nguồn sáng Phật giáo thời Lý, khơi mở sự phát triển của PG thời Trần: *Thượng sĩ ngữ lục*

=> phong cách phóng khoáng, ko bị ràng buộc bởi tín điều hình thức

=> bước đầu bộc lộ dấu hiệu “tiếng nói của con người cá nhân phá cách, tiếng nói trữ tình hướng nội, tự mình chiêm nghiệm và tìm đến niềm an lạc theo cung cách riêng..

Trần Quốc Tuấn (1232?-1300):

- 2 tác phẩm lý luận về nghệ thuật quân sự (thất truyền)
- Hịch tướng sĩ
- Áng văn chính luận xuất sắc, đạt trình độ mẫu mực về nội dung tư tưởng yêu nước, khả năng lập luận và hình thức ngôn từ nghệ thuật

Trần Thánh Tông (1240-1290): H.Đế đánh giặc – tu thiền và thi nhân

- ✓ Tác phẩm: *Di hậu lục, Cơ câu lục, Thiên tông liễu ngộ, Phóng ngư, Chỉ giá minh* (thất lạc)
- ✓ Còn: 16 mục tác phẩm (15 bài thơ + 1 đoạn văn bàn luận về tình nghĩa anh em trong hoàng tộc + một số thư từ ngoại giao...
- Hướng về đời sống thế tục, nhớ về gia tộc, đề tặng bề tôi, đề vịnh bốn mùa, phong cảnh thiên nhiên... => bình dị, nhẹ nhàng
- Thơ in đậm cảm quan Phật giáo (số lượng lớn): phát biểu quan điểm, nhận thức về bản chất trí tuệ sáng suốt, tinh thần tự tại, cái tâm nguyên thủy, bản thể bất biến bất thường tồn của mọi hiện tượng

- Trần Nhân Tông (1258-1308):*** Hoàng đế, thiền sư, thi sĩ
=> tầm vóc danh nhân văn hóa, thi ca thấm đậm lễ đạo tình đời
- Phẩm chất cơ bản của đáng minh quân chí hiếu - chí nhân - chí minh – chí thành – chí kính;
 - Vị thế và uy vọng qua thơ thể sự
 - Tinh thần dân thân nhập cuộc cùng toàn dân đánh giặc cứu nước
 - Thơ bang giao

- Trần Quang Triều (1286) – 1325):*** nhà nho thanh cao
- *Tập Cúc đường di cao* (thất truyền); còn 11 bài thơ chữ Hán chép trong Việt âm thi tập, Toàn Việt thi lục
 - Tiếng nói trữ tình, hòa hợp đời sống tự nhiên, thanh nhã, tự tìm thú vui trong du ngoạn và ẩn dật.

Chu Văn An (1292-1370): Nhà giáo dục cương trực, toàn tài

- 12 bài thơ chữ Hán + Thất trăm số (thất truyền)
- Tự bộc lộ tâm sự và ghi lại quan sát, ko thực đề tâm đến thể giới, ko nhằm so sánh, liên hệ mình với hình ảnh các tiên nhân
- => hòa hợp phần nào với tư tưởng từ bi siêu thoát của PG, tư tưởng vô vi của Đạo giáo

Trần Minh Tông (1300-1357): Hoàng đế, thi nhân thời thịnh Trần

- *Minh Tông thi tập* (ko còn); hiện còn 20 bài chép trong *Nam Ông mộng lục*, *Toàn Việt thi lục*...
- Phong cách thơ thanh nhã, phóng khoáng
- Đề cao giá trị nhân sinh, tình đời, mối quan hệ người – người

Trần Nguyên Đán (1325-1390)

- *Băng Hồ ngọc hạc tập*, *Bách thể thông kỹ* (thất truyền)
- Còn 51 bài thơ chép trong *Việt âm thi tập*, *Toàn Việt thi lục*...
- Bày tỏ tâm sự lo đời, thương thân, bất lực trước thời thế

Nguyễn Phi Khanh (1356-1429)

- ✓ Tác phẩm: *Nhị Khê thi tập*, *Nguyễn Phi Khanh thi văn tập*. Nay chỉ còn một số bài thơ, 1 bài phú, 1 bài *Thanh Hư động ký* chép rải rác trong các sách đời sau.
- ✓ Trong thơ: gặp hình ảnh con người cô đơn, uống rượu quên sầu, những bài viết về mùa xuân lạnh, về mùa thu mang nỗi buồn da diết, thấm thía.
- ✓ Thơ NPK mang nỗi buồn đau trước hoàn cảnh, nhưng luôn vời vợi tấm lòng thương dân

Đặng Dung (1373-1414)

- ✓ *Cảm hoài*: thể hiện nỗi niềm đau xót của người anh hùng lỡ vận, chí lớn chưa thành, thù lớn chưa trả mà đầu đã bạc. Có bi phần, uất hận nhưng ko tuyệt vọng, buông xuôi, vẫn mài gươm, mài chí đợi thời, quyết báo quốc thù.
- => Bài thơ là sản phẩm của “hồn sông núi rên xiết”. Trùm lên toàn bộ bài thơ là tâm sự thống thiết, khuấy động can tràng và lay gọi lương tri của bất cứ ai còn chút liêm sỉ mang thân phận kẻ vong quốc.

KẾT LUẬN

- ✓ **VHVN thế kỷ X-XIV (văn học thời đại Lý - Trần):** những sáng tác (văn chương chức năng + văn chương nghệ thuật) bằng chữ Hán và chữ Nôm trong kỷ nguyên độc lập và thống nhất của đất nước.
- ✓ Sau thời Bắc thuộc, nền văn hóa – văn học Đại Việt phát triển theo xu thế độc lập, tự chủ, vừa xác lập nền móng vừa tạo lập những sắc thái riêng, “mở đầu” cho nhiều truyền thống của văn học dân tộc.

- ✓ Cấu trúc tư tưởng **Nho - Phật - Đạo** là hạt nhân thế giới tinh thần trong các tác phẩm VH nhưng có sự đậm nhạt khác nhau.
- **Phật giáo** được nuôi dưỡng suốt thời Bắc thuộc, phát triển ở thời Lý; được bản địa hóa vào thời Trần với Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, sau đó suy thoái dần.
- **Đạo giáo** mang tính trung gian được cả Nho - Phật tận dụng, sử dụng.
- **Nho giáo** gắn với thiết chế xã hội, khoa cử và mẫu hình con người trung tâm nên ngày càng phát triển (biểu hiện rõ nhất ở học phong Đông A) => Cuối XIV: Nho giáo dần chiếm ưu thế, chuẩn bị tiền đề cho giai đoạn phát triển mới của văn học dân tộc.

- ✓ Từ Lý sang Trần, **loại hình tác giả** có sự biến đổi theo xu hướng: giảm dần loại hình *tác giả nhà sư*, tăng dần loại hình *tác giả nhà nho*; riêng loại hình *tác giả quý tộc* tuy ko biến động mạnh về lượng nhưng có sự thay đổi về tính chất, từ quý tộc – thiền sư biến đổi thành quý tộc – nhà nho.
- ✓ VH Lý - Trần đã tiếp nhận ảnh hưởng Trung Hoa (hệ thống văn tự, ngữ liệu, tư tưởng Nho giáo, thể loại, chủ đề, chủ điểm...) nhưng ngày một lớn mạnh, tự bồi đắp, trưởng thành.
- ✓ Thời Trần, trên nền tảng phát triển “**học phong Đông A**” và thực tế lịch sử, vua tôi trở nên thực tế hơn, càng gần bó hơn với Nho giáo, khoa cử => xu thế giải Hán hóa thể hiện từ việc cố gắng sáng tạo **chữ Nôm**, viết **thơ phú Nôm**, đề cao tinh thần dân tộc, phản ánh hiện thực đất nước.

✓ Thời Lý:

- Không có những sáng tác lớn về mặt dung lượng, mức độ đồ sộ.
- Nổi bật là mảng thơ Thiền

✓ Thời Trần:

- Xuất hiện nhiều thi tập, tuyển tập của một tác giả; thể loại – ngôn ngữ đa dạng...
- Nổi bật là mảng thơ Thiền và học phong Đông A